

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN THANH PHÚ  
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2021/HNGĐ-ST  
Ngày: 04 - 02 - 2021  
V/v trA chấp “ly hôn, nuôi con chung”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH PHÚ, TỈNH BẾN TRE**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phan Cẩm Nhung

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Dương Văn Hai
2. Bà Phan Thị Cẩm Hồng

*- Thư ký phiên tòa:* Ông Hồ Văn Tú – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Phú tham gia phiên tòa:*  
Ông Phan Văn Y - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 02 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 522/2020/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 12 năm 2020 về việc tranh chấp “ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Phương A, sinh năm: 2002; địa chỉ: 066/AB2 ấp A 2, xã ATây, huyện BT, tỉnh Bến Tre (có yêu cầu xét xử vắng mặt).

2. *Bị đơn:* A Nguyễn An T, sinh năm: 1991, địa chỉ: 80/3 ấp TTA, xã TH, huyện P, tỉnh Bến Tre (có yêu cầu xét xử vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo nội dung đơn khởi kiện, bản khai, Đơn xin xét xử vắng mặt trong quá trình tố tụng nguyên đơn chị Nguyễn Phương A trình bày:*

Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn An T qua thời gian tìm hiểu, được gia đình tổ chức lễ cưới rồi tự nguyện tiến đến hôn nhân vào năm 2019 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thanh Hải, huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre, được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 14/10/2020. Thời gian sống có 01 con chung Nguyễn Phương Ánh, sinh ngày: 20/8/2019 và hiện đang sống cùng chị. Trong khoảng thời gian chung sống chị và anh T thường xảy ra mâu thuẫn bất hòa, cãi nhau. Anh T thường xuyên chơi bời lêu lổng, không về nhà, không quan tâm chăm sóc chị và con. Chị và hai bên gia đình nhiều lần khuyên giải nhưng anh T không sửa đổi. Do bất đồng quan điểm sống, anh T không chăm lo cho cuộc sống

gia đình nên chị và anh T đã sống ly thân khoảng 03 tháng nay. Chị và anh T đã thống nhất việc ly hôn vì tình cảm vợ chồng đã rạn nứt, không hàn gắn được. Vì vậy chị yêu cầu được ly hôn với anh T.

Chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng cho chị khi ly hôn.

Về con chung: chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Phương Ánh, sinh ngày: 20/8/2019 và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung vì hiện nay chị đi làm có thu nhập đủ điều kiện để lo cho con.

Về tài sản chung: chị và anh T tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: không có, chị không yêu cầu giải quyết.

*Theo nội dung bản khai, Đơn xin xét xử vắng mặt bị đơn anh Nguyễn An T trình bày:*

Anh và chị Phương A qua thời gian tìm hiểu, được gia đình tổ chức lễ cưới rồi tự nguyện tiến đến hôn nhân vào năm 2019 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thạnh Hải, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre, được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 14/10/2020. Thời gian sống có 01 con chung Nguyễn Phương Ánh, sinh ngày: 20/8/2019 và hiện đang sống cùng chị Phương A. Trong khoảng thời gian chung sống anh và chị thường xảy ra mâu thuẫn bất hòa, cãi nhau. Nay chị A xin ly hôn thì anh đồng ý vì cả hai không hàn gắn tình cảm được. A không yêu cầu chị A cấp dưỡng cho anh khi ly hôn.

Về con chung: anh đồng ý giao con chung Nguyễn Phương Ánh, sinh ngày: 20/8/2019 cho chị Anh nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con nhưng sẽ có trách nhiệm lo cho con.

Về tài sản chung: anh và chị Phương A tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: không có, anh không yêu cầu giải quyết

*Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:*

Về trình tự, thủ tục: Thẩm phán và Hội đồng xét xử sơ thẩm đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự từ khi thụ lý cho đến khi đưa vụ án ra xét xử. Do nguyên đơn và bị đơn có yêu cầu xét xử vắng mặt, nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng trong vụ án.

Về nội dung: xét lời trình bày của chị A và anh T các tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Thấy rằng trong thời gian chung sống chị A và anh T đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, không hàn gắn đoàn tụ được. Do đó có căn cứ xác định hôn nhân giữa anh, chị đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị A.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: căn cứ vào đơn khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Phương A, chị yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn An T nên đây là tranh chấp “ly hôn, nuôi con chung” theo quy định tại

khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn anh Nguyễn An T cư trú tại xã Thanh Hải, huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre, do đó căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú.

[2] Về tố tụng: chị Phương A, anh T có yêu cầu xét xử vắng mặt. Vì vậy căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng trong vụ án.

[3] Về hôn nhân: xét về điều kiện kết hôn và đăng ký kết hôn thấy rằng chị A và anh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Thanh Hải, huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 14/10/2020. Do đó hôn nhân của anh, chị đã tuân thủ đầy đủ các quy định về điều kiện kết hôn và đăng ký kết hôn nên được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Xét lời trình bày của chị A và anh T cho rằng mối quan hệ hôn nhân giữa anh, chị đã trải qua khoảng thời gian dài mất hạnh phúc từ việc chị và anh T thường xuyên cãi vã, bất đồng quan điểm trong cuộc sống; anh, chị đã sống ly thân, hiện không có khả năng hàn gắn đoàn tụ; chị A yêu cầu ly hôn và anh T cũng đồng ý. Từ đó cho thấy mâu thuẫn của vợ chồng anh, chị đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn không đạt được nên cần áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị A là phù hợp.

[4] Về con chung: cháu Nguyễn Phương Ánh, sinh ngày: 20/8/2019 hiện đang sống cùng chị A và chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Ánh. Xét thấy chị A có đủ điều kiện để chăm sóc nuôi dạy cháu Ánh và để đảm bảo con chung phát triển tốt về thể chất, tinh thần. Vì vậy giao cháu Ánh cho chị A trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Đồng thời ghi nhận việc anh T không cấp dưỡng nuôi con chung do chị A không yêu cầu.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: chị A và anh T không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: chị A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch đối với yêu cầu ly hôn theo quy định pháp luật.

[7] Quan điểm của Kiểm sát viên là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận toàn bộ.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35; các Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 56, 81, 82, 83, 84, 115 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của Tòa án.

**Tuyên xử:**

1. Về hôn nhân: chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Phương A. Chị Nguyễn Phương A được ly hôn với anh Nguyễn An T.

Chị A và anh T không yêu cầu giải quyết nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ, chồng khi ly hôn.

2. Về con chung: chị Nguyễn Phương A được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Phương Ánh, sinh ngày: 20/8/2019 và ghi nhận việc anh T không cấp dưỡng nuôi con chung do chị A không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trên cơ sở lợi ích của con, cha mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con khi có căn cứ.

3. Về tài sản chung, nợ chung: chị A và anh T không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Phương A phải chịu 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0005511 ngày 08/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú xem như đã nộp xong.

5. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- UBND xã Thạnh Hải;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Phú;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú;
- Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**  
(Đã ký)

**Phan Cẩm Nhung**

















